

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-HĐTD ngày 23/02/2018 của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Dự trữ Nhà nước)

Vị trí: Chuyên viên Tin học

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Số báo danh	Phòng thi số	Miễn thi ngoại ngữ, tin học		Đăng ký thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
				Nam			Nữ					Ngoại ngữ	Tin học			
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Lý Bá	Trung	Cục DTNNKV Hà Nội	27	8	1985				140027	14		x	Anh		
2	Bùi Thị	Xuân	Cục DTNNKV Hà Nội				15	2	1990	140031	14		x	Anh		
3	Dương Thị Hồng	Hạnh	Cục DTNNKV Hoàng Liên Sơn				27	11	1991	140008	14		x	Anh		
4	Quan Bách	Thắng	Cục DTNNKV Hoàng Liên Sơn	29	5	1993				140025	14		x	Anh		
5	Nguyễn Trung	Đức	Cục DTNNKV Vĩnh Phú	14	12	1993				140007	14		x	Anh		
6	Phan Mạnh	Linh	Cục DTNNKV Vĩnh Phú	12	01	1986				140017	14		x	Anh		
7	Bùi Văn	Công	Cục DTNNKV Hà Bắc	05	9	1993				140004	14		x	Anh		
8	Hoàng Trung	Kiên	Cục DTNNKV Hà Bắc	10	8	1990				140014	14		x	Anh		
9	Nguyễn Thảo	Anh	Cục DTNNKV Thái Bình				28	11	1995	140002	14		x	Anh		
10	Trần Xuân	Lâm	Cục DTNNKV Thái Bình	06	06	1984				140015	14		x	Anh		
11	Trần Công	Quý	Cục DTNNKV Thái Bình	01	07	1985				140021	14		x	Anh		
12	Phạm Thị Phương	Thảo	Cục DTNNKV Thái Bình				18	03	1992	140024	14		x	Anh		
13	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Cục DTNNKV Nghệ Tĩnh				29	6	1987	140010	14		x	Anh		
14	Lê Đình	Huân	Cục DTNNKV Nghệ Tĩnh	26	4	1985				140011	14		x	Anh		
15	Nguyễn Thị Hà	Phương	Cục DTNNKV Nghệ Tĩnh				12	8	1986	140020	14		x	Anh		
16	Lê Quang	Trung	Cục DTNNKV Nghệ Tĩnh	31	7	1991				140026	14		x	Anh		
17	Nguyễn Minh	Tuấn	Cục DTNNKV Nghệ Tĩnh	15	5	1981				140028	14		x	Anh		

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Số báo danh	Phòng thi số	Miễn thi ngoại ngữ, tin học		Đăng ký thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
				Nam			Nữ					Ngoại ngữ	Tin học			
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
18	Phạm Trùng	Khánh	Cục DTNNKV Đà Nẵng	31	12	1988				140013	14		x	Anh		
19	Cao Thị	Sương	Cục DTNNKV Đà Nẵng				18	11	1981	140022	14		x	Anh	QNCN	
20	Đặng Bá	Long	Cục DTNNKV Nghĩa Bình				3	11	1987	140018	14		x	Anh		
21	Mai Hà	Tuyên	Cục DTNNKV Bắc Tây Nguyên	12	12	1986				140030	14		x	Anh	Con TB	
22	Thân Vĩnh	Tuấn	Cục DTNNKV TP. HCM	12	01	1991				140029	14		x	Anh		
23	Lê Thị	Hạnh	Cục DTNNKV Đông Nam Bộ				16	9	1990	140009	14		x	Anh		
24	Lý Thị	Linh	Cục DTNNKV Cửu Long				23	3	1991	140016	14		x	Anh		
25	Nguyễn Ngọc	Anh	Cục Công nghệ thông tin	16	4	1984				140001	14		x	Anh		
26	Nguyễn Thị Vân	Anh	Cục Công nghệ thông tin				17	2	1991	140003	14		x	Anh		
27	Nguyễn Ngọc	Dũng	Cục Công nghệ thông tin	27	7	1991				140005	14		x	Anh		
28	Nguyễn Viết	Dũng	Cục Công nghệ thông tin	11	8	1989				140006	14		x	Anh		
29	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Cục Công nghệ thông tin				16	10	1987	140012	14		x	Anh		
30	Vũ Thị Thúy	Ngân	Cục Công nghệ thông tin				11	11	1993	140019	14		x	Anh		
31	Bùi Phương	Thảo	Cục Công nghệ thông tin				1	11	1995	140023	14		x	Anh		